

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG HÀN (SV HỌC TỪ BẬC 1)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần			
QH.2025 HỌC KỶ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2025 HỌC KỶ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3			
		Ngoại ngữ B1	5	5		FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3			
	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6		VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3			
	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3			
						KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6			
									KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
QH.2024 HỌC KỶ 3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2024 HỌC KỶ 4	PHI1002	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2			
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3			
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6			
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6			
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6		KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6			
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2			
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3			Tự chọn khối II.2	6	6			
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3			
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3			
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		KOR1001	Địa lý đại cương	3	3			
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3			
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tim hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3			
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FLF1005	Tim hiểu cộng đồng Châu Á	3	3			
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3			
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3								
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3								
	FLF1054	Thư pháp	3	3								
FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3									
	Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6									
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3									
QH.2023 HỌC KỶ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỶ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	2			
	PSF3008	Giáo dục học	3	3		PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2			
	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	3		PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3			
	KOR3050	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn	3	3		KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3			
	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3		KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3			
							Tự chọn khối IV.2.2	6	6			
					KOR2008	Hàn tự tiếng Hàn	3	3				
					KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	3				
					KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	3				
					KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	3				
					ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3				
					ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3				
QH.2022 HỌC KỶ 7	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	QH.2022 HỌC KỶ 8	KOR4001	Thực tập	3	3			
	KOR3052	Kiểm tra đánh giá tiếng Hàn Quốc	3	3		KOR4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế (Ngôn ngữ đối chiếu + Thực hành giảng dạy)	6	6			
	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3								
		Tự chọn khối V.2	9	9								
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3								
	KOR3053	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3								
	ENG3095	Thực hành thiết kế tài liệu kiểm tra đánh giá	3	3								
	KOR3054	Thực hành giảng dạy tiếng Hàn Quốc	3	3								
	KOR3055	Kỹ năng thuyết trình	3	3								
	KOR3056	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm	3	3								
	KOR3057	Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ	3	3								
	KOR3058	Xây dựng chương trình và nội dung giảng dạy	3	3								
	KOR3002	Phiên dịch	3	3								
	KOR3003	Biên dịch	3	3								
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	3								
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3								
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	3								
KOR2005	Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	3	3									
FLF3001	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy-học ngoại ngữ	3	3									
ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3									
ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3									

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG HÀN (SV HỌC TỬ BẬC 4)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2025 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2025 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
						KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
				KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6		

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG DT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC - Định hướng Biên phiên dịch (sinh viên học từ bậc 1)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	QH.2023 HỌC KỲ 6	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	3		KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3
	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3		KOR3003	Biên dịch	3	3
	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3		KOR3002	Phiên dịch	3	3
	KOR3008	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3		Tự chọn khối IV.2.2		6	6
						KOR2008	Hàn tự tiếng Hàn	3	3
						KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	3
						KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	3
						KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	3
						ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
				ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3		
				Tự chọn khối V.1.2		9	9		
				KOR3068	Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 7	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	KOR4001	Thực tập	3	
	KOR3005	Biên dịch chuyên ngành	3	3		KOR4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Phiên dịch nâng cao, Biên dịch nâng cao)	6	
	KOR3004	Phiên dịch chuyên ngành	3	3					
	KOR3006	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
		Tự chọn khối IV.2.2	6	6					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
		Tự chọn khối V.1.2	9	9					
	KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3					
	KOR3047	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	KOR3048	Biên dịch nâng cao	3	3					
	KOR3021	Dịch văn bản tin tức báo chí	3	3					
	KOR3009	Dịch văn học	3	3					
	KOR3010	Dịch phim Hàn Quốc	3	3					
	KOR3069	Dịch cabin	3	3					
	KOR3067	Kỹ năng viết văn bản tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3					
	KOR3068	Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3					
	KOR3070	Kỹ năng giao tiếp	3	3					
	KOR3035	Nhập môn tiếng Hàn chuyên ngành	3	3					
	KOR3016	Tiếng Hàn luật pháp	3	3					
	KOR3013	Tiếng Hàn quản trị - kinh doanh	3	3					
	KOR3020	Tiếng Hàn công nghệ thông tin	3	3					
	KOR3017	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng	3	3					
	KOR3014	Tiếng Hàn du lịch - khách sạn	3	3					
	KOR3012	Tiếng Hàn tài chính - ngân hàng	3	3					
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	3					
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	3					
	KOR2005	Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc	3	3					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3					
ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3						

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC - Định hướng Ngôn ngữ & văn hóa (sinh viên học từ bậc 1)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2022 HỌC KỲ 7	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	KOR4001	Thực tập	3	
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	3		KOR4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Lịch sử tiếng Hàn, Hán tự tiếng Hàn)	6	
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
		Tự chọn khối IV.2.2	6	6					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
		Tự chọn khối V.2.2	9	9					
	KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3					
	KOR3059	Lịch sử tiếng Hàn	3	3					
	KOR3035	Nhập môn tiếng Hàn chuyên ngành	3	3					
	KOR3016	Tiếng Hàn luật pháp	3	3					
	KOR3015	Tiếng Hàn y học	3	3					
	KOR3013	Tiếng Hàn quản trị - kinh doanh	3	3					
	KOR3020	Tiếng Hàn công nghệ thông tin	3	3					
	KOR3017	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng	3	3					
	KOR3014	Tiếng Hàn du lịch - khách sạn	3	3					
	KOR3012	Tiếng hàn tài chính - ngân hàng	3	3					
	KOR3019	Tiếng Hàn kiến trúc - xây dựng	3	3					
	KOR3038	Tin học văn phòng Hàn Quốc	3	3					
	KOR3067	Kỹ năng viết văn bản tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3					
	KOR3068	Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3					
	KOR3070	Kỹ năng giao tiếp	3	3					
	KOR3047	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	KOR3048	Biên dịch nâng cao	3	3					
	KOR3006	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3					
ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3						

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC (sinh viên học từ bậc 1)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2025 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2025 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6		FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
						KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
					KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6	
QH.2024 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6		THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối III.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)</i>	6	6			Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)</i>	6	6					
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025-2026

NGÀNH NGÔN NGỮ HÁN QUỐC (SV HỌC TỪ BẬC 4)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2025 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2025 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
						KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
				KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6		

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh